

Bản án số: 38/2017/HSPT
Ngày: 25/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Hương**.

Các Thẩm phán: 1. Ông **Nguyễn Minh Hùng**.

2. Bà **Lưu Hồ Loan**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Thúy** – Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thùy Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 55/2017/HSPT ngày 24/7/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị M, Lý Đức P do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị M**, sinh ngày 06/8/1982 tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

ĐKHKTT: Thôn L, xã M, huyện S, tỉnh Tuyên Quang;

Tạm trú: Thôn C 6, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh nhà nghỉ; Dân tộc: Tày; Con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1939 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1939; chồng là Lý Văn N, sinh năm 1980 (đã ly hôn năm 2012) và có 01 con sinh năm 2000.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2017 đến ngày 23/02/2017. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

2. Họ và tên: **Lý Đức P**, sinh ngày 16/01/1988 tại huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang;

Tạm trú: Thôn C 6, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Dân tộc: Nùng; Con ông Lý Văn T, sinh năm: 1967 và bà Lý Thị M, sinh năm: 1966; Vợ là Lù Thị B, sinh năm: 1987 và có 01 con sinh năm 2007.

* Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/02/2017 đến ngày 23/02/2017. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Ngoài ra còn có 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NHẬN THẤY:

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị M thuê nhà nghỉ H tại thôn C 6, xã L, thành phố T của anh Hoàng Văn T để kinh doanh (Ngày 17/02/2017, anh T đã ủy quyền cho M được toàn quyền kinh doanh và chịu trách nhiệm trước pháp luật). Ngày 19/02/2017, M đã cho Chu Thị H (Trú tại Xóm 8, xã Q, huyện Y) đến ở tại nhà nghỉ để bán dâm. M và H thỏa thuận nếu khách vào nhà nghỉ có nhu cầu mua dâm thì H sẽ bán dâm cho khách, M trả H số tiền 100.000đồng/1 lần bán dâm.

Khoảng 22 giờ ngày 20/02/2017, M nhờ Lý Đức P (là nhân viên nhà nghỉ) trông coi nhà nghỉ để đi tắm, M dặn P nếu có khách đến hỏi mua dâm thì thu 250.000đồng/người và đưa khách lên phòng 202 của nhà nghỉ chờ gái bán dâm phục vụ. Khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày, Phạm Đức L (trú tại xóm H, xã Đ, huyện Y) đến nhà nghỉ H để mua dâm. Khi đến nhà nghỉ, L gặp P ở quầy lễ tân, L hỏi có gái không (tức là có gái bán dâm không), P bảo có và nói 250.000đồng/lần. L đưa cho P số tiền 250.000đồng, P cầm tiền và bảo L lên phòng 202 chờ. Sau đó, P nói với M có khách đến mua dâm đang chờ trên phòng 202 và đưa cho M số tiền 250.000 đồng. M cầm tiền rồi bảo H lên phòng 202 để bán dâm cho khách.

Hồi 23 giờ cùng ngày, trong khi H và L đang quan hệ tình dục (mua bán dâm) thì bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố T tiến hành kiểm tra, phát hiện và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Thị M, Lý Đức P về hành vi chứa mại dâm. Thu giữ tại phòng 202 của Nhà nghỉ H có 01 bao cao su đã sử dụng; 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu GOOD, đồng thời tạm giữ số tiền 250.000đồng do Nguyễn Thị M giao nộp.

Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an thành phố T tiến hành khám xét tại Nhà nghỉ H thuộc thôn C 6, xã L thu giữ: 11 bao cao su nhãn hiệu GOOD chưa sử dụng.

Tại Bản án sơ thẩm số 70/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang:

- Tuyên bố Nguyễn Thị M, Lý Đức P phạm tội “Chứa mại dâm”;

- Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 254; đoạn 1, đoạn 2 điểm p, khoản 1, Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội.

Áp dụng thêm điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo P.

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Thị M** 01 năm 03 tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 21/02 đến 23/02/2017 là 03 ngày. Thời hạn tù bị cáo còn phải chấp hành là 01 năm 02 tháng 27 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Bị cáo **Lý Đức P** 01 năm tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 21/02 đến 23/02/2017 là 03 ngày. Thời hạn tù bị cáo còn phải chấp hành là 11 tháng 27 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 6 năm 2017, các bị cáo Nguyễn Thị M và Lý Đức P có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lý Đức P giữ nguyên nội dung kháng cáo, bị cáo Nguyễn Thị M bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo là hợp lệ, trong hạn luật định. Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án đúng tổ tụng.

Về nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thị M, Lý Đức P về tội Chứa mại dâm là đúng người, đúng tội, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo P là không đúng quy định của luật vì bị cáo phạm tội nghiêm trọng có khung hình phạt từ 1 năm đến 7 năm và trong vụ án này bị cáo P có vai trò là người thực hành giúp sức cùng bị cáo M phạm tội. Cần áp dụng Điều 20 và Điều 53 về Đồng phạm để đánh giá vai trò của từng bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo M xuất trình tình tiết mới Đơn đề nghị xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương; biên lai đã nộp án phí sơ thẩm hình sự và tiền nộp phạt tổng bị cáo M đã nộp là 1.700.000đ; bị cáo P xuất trình Đơn đề nghị xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương; biên lai đã nộp án phí sơ thẩm hình sự và nộp tiền phạt tổng bị cáo P đã nộp là 700.000đ, giấy khen của Chính ủy sư đoàn 316 đối với binh nhất Lý Đức P là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cần xem xét cho các bị cáo. Đối với bị cáo P tuy bỏ một tình tiết giảm nhẹ tại điểm h khoản 1 Điều 46 và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 nhưng mức án mà cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo 01 năm tù là phù hợp, đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo. Đối với bị cáo M tại phiên tòa xuất trình thêm các tình tiết giảm nhẹ là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng điểm a, điểm b khoản 2 Điều 248 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Đức P giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về hình phạt. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M giảm nhẹ một phần hình phạt như sau:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 254; đoạn 1, đoạn 2 điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội.

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Thị M** 01(Một) năm 01(Một) tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 21/02/2017 đến 23/02/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

- Bị cáo **Lý Đức P** 01(Một) năm tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 21/02/2017 đến 23/02/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lý Đức P phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội cải tạo và lao động tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị M bổ sung nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, bị cáo Lý Đức P giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo và các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo. Các bị cáo kháng cáo với lý do: Các bị cáo phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Hoàn cảnh gia đình khó khăn, đều là lao động chính trong gia đình và luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nội dung kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị M, Lý Đức P, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ kết luận: Hội 23 giờ ngày 20/02/2017, tại nhà nghỉ Hoàng Thanh (thuộc thôn C 6, xã L, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang); Nguyễn Thị M được chủ nhà nghỉ ủy quyền quản lý, kinh doanh

và Lý Đức P là nhân viên nhà nghỉ đã có hành vi cho Chu Thị H, sinh năm 1982 trú tại xóm 8, xã Q, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang bán dâm cho Phạm Đức Linh, sinh năm 1988 trú tại xóm H, xã Đ, huyện Y với số tiền 250.000đ (hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới và là môi trường lây lan các căn bệnh xã hội, gây dư luận xấu trong xã hội. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội dưới hình thức đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo M giữ vai trò chính, bị cáo P là người thực hành trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Chứa mại dâm” và tuyên phạt bị cáo M với mức án 01 năm 03 (ba) tháng tù và bị cáo P 01 (một) năm tù là đúng người, đúng tội, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Bản án sơ thẩm đã áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự cho bị cáo P là không đúng quy định của pháp luật vì bị cáo phạm tội nghiêm trọng có khung hình phạt từ 1 năm đến 7 năm và trong vụ án này bị cáo P có vai trò là người thực hành cùng với bị cáo M phạm tội. Cần áp dụng thêm Điều 20 và Điều 53 Bộ luật Hình sự về “Đồng phạm” để đánh giá vai trò của từng bị cáo và quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo xuất trình các tình tiết mới: bị cáo M xuất trình đơn đề nghị xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương; biên lai đã nộp án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt theo quyết định của tòa sơ thẩm số tiền là 1.700.000đ; bị cáo P xuất trình đơn đề nghị xin hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương; biên lai đã nộp án phí sơ thẩm hình sự và tiền phạt theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số tiền là 700.000đ, giấy khen của Chính ủy sư đoàn 316 đây là những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho các bị cáo. Tuy bị cáo P bỏ không áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 và áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nhưng mức án 01 năm tù mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo P là phù hợp đúng quy định của pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, cần giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm về hình phạt. Đối với bị cáo M tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình các tình tiết mới, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị M đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000295 ngày 02/6/2017 và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phạt tại biên lai số 0000402 ngày 23/8/2017 tổng đã nộp là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm nghìn đồng) theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Lý Đức P đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000296 ngày 02/6/2017 và 500.000

đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền phạt tại biên lai số 0000403 ngày 23/8/2017 tổng đã nộp là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang .

Bị cáo Lý Đức P phải chịu án 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248 và điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị M, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 70/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 254; đoạn 1, đoạn 2 điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội.

Xử phạt:

- Bị cáo **Nguyễn Thị M** 01(Một) năm 01(Một) tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 21/02/2017 đến 23/02/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lý Đức P, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 70/2017/HSST ngày 26/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Áp dụng: Khoản 1, khoản 5 Điều 254; đoạn 1, đoạn 2 điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 và Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 327 của Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội.

Xử phạt:

Bị cáo **Lý Đức P** 01 (Một) năm tù. Khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 21/02/2017 đến 23/02/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án phạt tù.

Phạt tiền 5.000.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Thị M đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000295 ngày 02/6/2017 và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền phạt tại biên lai số 0000402 ngày 23/8/2017 tổng đã nộp là 1.700.000 đồng (một triệu bảy trăm

ngàn đồng) theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Ghi nhận bị cáo Lý Đức P đã nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm tại biên lai số 0000296 ngày 02/6/2017 và 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền phạt tại biên lai số 0000403 ngày 23/8/2017 tổng đã nộp là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang .

Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Thị M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lý Đức P phải chịu án 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ
CA tỉnh T.Quang;
- TAND; VKSND;
CA thành phố T;
- Các bị cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hương

